TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 661/2020/DS-ST.
Ngày: 28 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 587/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 543/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: 442 đường N, phường 5, Quận A, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Trúc M, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 444A-446 đường C, phường 11, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền ngày 27/5/2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/4/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần A có ký Hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.727.150416 (số tài khoản vay: 214907149) với ông Nguyễn

Quang T để cho vay số tiền 85.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 214902149 của ông T, thời hạn cho vay 60 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 15/04/2016 đến ngày 15/04/2021), mục đích cho vay hỗ trợ tiêu dùng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay ông T đã trả được tiền gốc 42.510.000 đồng, lãi là 25.500.000 đồng, phạt vi phạm là 600.000 đồng. Sau ngày 15/10/2018 ông T không trả cho ngân hàng thêm khoản nợ nào.

Ngày 30/12/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có ký tiếp Hợp đồng tín dụng trả góp số MC2.CN.588.301216 (số tài khoản vay: 229487909) với ông Nguyễn Quang T để cho vay số tiền 30.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 214902149 của ông T, thời hạn cho vay 48 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 30/12/2016 đến ngày 30/12/2020), mục đích cho vay hỗ trợ tiêu dùng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay ông T đã trả được tiền gốc 13.750.000 đồng, lãi là 6.600.000 đồng, phạt 400.000 đồng. Sau ngày 15/10/2018 ông T không trả cho ngân hàng thêm khoản nợ nào.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/3/2020, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của 02 hợp đồng tín dụng trên.

Tính đến ngày 28/9/2020, ông T còn nợ Ngân hàng:

- Tài khoản vay số 214907149 đồng, vốn gốc 42.490.000, lãi trong hạn 15.441.667 đồng, lãi quá hạn 3.420.445 đồng, tổng cộng 61.352.112 đồng.

- Tài khoản vay số 229487909, vốn gốc 16.250.000, lãi trong hạn 5.300.000 đồng, lãi quá hạn 1.308.125 đồng, tổng cộng 22.858.125 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho ngân hàng tính đến ngày 28/9/2020 khoản nợ là 84.210.237 đồng, trong đó nợ gốc là 58.740.000 đồng, lãi trong hạn là 20.741.667 đồng, lãi quá hạn là 4.728.570 đồng. Tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên. Từ ngày 29/9/2020 cho đến khi ông T trả hết nợ gốc.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Quang T vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét hợp đồng tín dụng trả góp ngày 15/4/2016, hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày 30/12/2016, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện, nội dung thỏa thuận tại Khoản 11. 3 Điều 11 của 02 hợp đồng tín dụng trả góp và bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 28/9/2020 khoản nợ là 84.210.237 đồng, trong đó nợ gốc là 58.740.000 đồng, lãi trong hạn là 20.741.667 đồng, lãi quá hạn là 4.728.570 đồng; đồng thời yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mứa lãi suất nợ quá hạn tại các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 29/9/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 15/4/2016 nguyên đơn ký hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.727.150416 (số tài khoản vay: 214907149) cho bị đơn vay số tiền 85.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, mục đích cho vay hỗ trợ tiêu dùng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 15/10/2018 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 42.510.000 đồng, lãi là 25.500.000 đồng, phạt vi phạm là 600.000 đồng. Sau ngày 15/10/2018 ông T không trả cho ngân hàng thêm khoản nợ nào. Ông T còn nợ lại nguyên đơn tiền gốc là 42.490.000 đồng, lãi trong hạn từ 15/10/2018 đến ngày 20/4/2020 là 15.441.667 đồng, lãi quá hạn từ ngày 21/4/2020 đến ngày 28/9/2020 là 3.420.445 đồng, tổng cộng 61.352.112 đồng.

Ngày 30/12/2016 nguyên đơn ký tiếp Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số MC2.CN.588.301216 (số tài khoản vay: 229487909) để cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn cho vay 48 tháng, mục đích cho vay hỗ trợ tiêu dùng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 15/10/2018 bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 13.750.000 đồng, số tiền lãi là 6.600.000 đồng, tiền phạt 400.000 đồng. Bị đơn còn nợ lại nguyên đơn tiền gốc là 16.250.000, lãi trong hạn từ ngày 30/12/2016 đến ngày 20/4/2020 là 5.300.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 21/4/2020 đến ngày 28/9/2020 là 1.308.125 đồng, tổng cộng 22.858.125 đồng.

Xét thấy, bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán số tiền nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi của hai hợp đồng trên, bao gồm: Lãi trong hạn là 20.741.667 đồng, lãi quá hạn là 4.728.570 đồng tính đến ngày 28/9/2020; đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 29/9/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi, số tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt chậm trả: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không tham gia các buổi làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sơ chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Quang T phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A: Buộc ông Nguyễn Quang T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền là 84.210.237 (Tám mươi bốn triệu hai trăm mười ngàn hai trăm ba mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 58.740.000 (năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng, tiền lãi trong hạn là 20.741.667 (hai mươi

triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn là 4.728.570 (bốn triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi) đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Quang T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.727.150416 ngày 15/4/2016, hợp đồng cấp tín dụng trả góp số MC2.CN.588.301216 ngày 30/12/2016) nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.210.512 (bốn triệu hai trăm mười ngàn năm trăm mười hai) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.177.321 (hai triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi một) đồng theo biên lai thu số 0078391 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND TPHCM;*
- *VKSNDHHM;*
- *THA DS HHM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phụng